VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, XỬ LÝ VƯỚNG MẮC TRONG HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, XỬ LÝ VƯỚNG MẮC TRONG HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/QĐ-BCĐRSXLVBQPPL	*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, XỬ LÝ VƯỚNG MẮC TRONG HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TRƯỞNG BAN
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, XỬ LÝ VƯỚNG MẮC TRONG HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

(Kèm theo Quyết định số 78/QĐ-BCĐRSXLVBQPPL ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Trưởng Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc làm việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ phối hợp công tác của Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho Ban Chỉ đạo, các thành viên Ban Chỉ đạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo trong việc quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; tập thể thảo luận, Trưởng Ban Chỉ đạo kết luận và chỉ đạo thực hiện.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo tham gia, thực hiện đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo và kịp thời báo cáo, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về các nhiệm vụ được phân công theo quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Chế độ làm việc của Ban chỉ đạo

Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ đạo. Thường trực Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, tuân thủ sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo

1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo là Bộ Tư pháp;

2. Giúp việc cho Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo là Nhóm giúp việc Ban Chỉ đạo.

3. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo quyết định thành lập Nhóm giúp việc Ban Chỉ đạo, bảo đảm nguyên tắc gọn nhẹ, hiệu quả, không phát sinh biên chế.

4. Các bộ, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm cử thành viên tham gia Nhóm giúp việc Ban Chỉ đạo theo đề nghị của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

Điều 5. Chức năng của Ban Chỉ đạo

Ban Chỉ đạo giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo

1. Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 3 Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tổ chức các cuộc họp, các buổi làm việc, hội thảo, hội nghị để trao đổi, thảo luận các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Yêu cầu các bộ, ngành, địa phương và cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triệu tập, chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chỉ đạo.

2. Trong trường hợp cần thiết, ủy quyền cho Phó Trưởng ban giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình.

3. Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo trực tiếp điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về toàn bộ hoạt động của Ban Chỉ đạo; thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì và điều phối hoạt động chung của Ban Chỉ đạo khi Trưởng Ban Chỉ đạo vắng mặt hoặc được Trưởng Ban Chỉ đạo ủy quyền; chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo theo sự ủy quyền của Trưởng Ban Chỉ đạo, trường hợp vượt quá phạm vi quyền hạn được giao phải báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

2. Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phương hướng, biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

3. Kiểm tra, đánh giá, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo về quá trình thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo và sự phối hợp giữa các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Thành lập hoặc tham mưu Trưởng Ban Chỉ đạo thành lập các tiểu ban giúp Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban Chỉ đạo

1. Giúp Trưởng Ban điều hành giải quyết các công việc liên quan đến nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

2. Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Thành viên Ban Chỉ đạo

1. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả các nhiệm vụ được phân công.

2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, chuẩn bị ý kiến đóng góp về các vấn đề thuộc nội dung chương trình họp của Ban Chỉ đạo.

3. Đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo các chủ trương, giải pháp, cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành.

4. Chỉ đạo rà soát và chuẩn bị các chính sách phục vụ lập đề nghị xây dựng một luật hoặc nghị quyết sửa nhiều luật thuộc phạm vi nhiệm vụ được phân công;

5. Ký các văn bản theo nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền và sử dụng con dấu của cơ quan mình.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

Chương III
CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo báo cáo định kỳ 06 tháng, cả năm và đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động của Ban Chỉ đạo.

2. Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo báo cáo tình hình hoạt động gửi Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ Tư pháp.

2. Kinh phí hoạt động của các thành viên Ban Chỉ đạo tại các bộ, cơ quan do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của các bộ, cơ quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Việc lập, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Trưởng Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Cơ quan thường trực và các thành viên Ban Chỉ đạo.